

Số: 130 /TTr-UBND

Cần Thơ, ngày 11 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024
thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương,
kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc
hội về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ,
điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn
2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của
các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần
Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai
đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương chưa
phân bổ;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung

hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điểm e Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án

thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 2), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 và cho ý kiến về điều chỉnh phương án phân bổ vốn NSTW năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 3), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024.

Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố xem xét, quyết nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 các nguồn vốn ngân sách địa phương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương cụ thể như sau:

1. Tình hình giao kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2024

Tổng số vốn ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 là 7.564,935 tỷ đồng, đã giao chi tiết 6.169,620 tỷ đồng tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 9 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của HĐND thành phố, còn lại 1.395,315 tỷ đồng chưa giao chi tiết, gồm:

- a) Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 395,315 tỷ đồng.
- b) Bội chi ngân sách địa phương (trái phiếu chính quyền địa phương): 1.000 tỷ đồng.

2. Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

UBND thành phố đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công các nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

a) Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: giao 2,610 tỷ đồng cho 07 dự án như sau:

- Sửa chữa hồ bơi huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Cần Thơ: 100 triệu đồng.

- Sửa chữa trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường: 120 triệu đồng.

- Sửa chữa, nâng cấp và xây mới một số hạng mục tại Vườn ươm Công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Cần Thơ: 337 triệu đồng.

- Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: 475 triệu đồng.

- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Công nghệ cao quận Ô Môn: 710 triệu đồng.

- Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 1 tại quận Bình Thủy): 316 triệu đồng.

- Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 2 tại huyện Cờ Đỏ): 552 triệu đồng.

b) Vốn thực hiện dự án:

- Điều chỉnh giảm 81,413 tỷ đồng của 14 dự án thuộc 06 chủ đầu tư.

- Bổ sung 78,803 tỷ đồng của 13 dự án thuộc 06 chủ đầu tư.

c) Số vốn ngân sách địa phương năm 2024 chưa giao chi tiết.

- Qua rà soát, UBND thành phố đề xuất bổ sung các nguồn vốn ngân sách địa phương bố trí cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư công là 445,161 tỷ đồng (trong đó, nguồn thu vượt sử dụng đất năm 2023 là 231,573 tỷ đồng, nguồn thu vượt xổ số kiến thiết năm 2023 là 213,588 tỷ đồng).

- Như vậy, tổng kế hoạch vốn các nguồn thuộc ngân sách địa phương chưa giao chi tiết là 1.840,476 tỷ đồng, gồm:

- + Các nguồn vốn ngân sách địa phương: 840,476 tỷ đồng.

- + Bội chi ngân sách địa phương (trái phiếu chính quyền địa phương): 1.000 tỷ đồng.

Tùy thuộc vào tình hình thực tế về thời gian hoàn thành các thủ tục đầu tư, UBND thành phố sẽ có văn bản đề xuất HĐND thành phố xem xét, tổ chức kỳ họp chuyên đề để giao chi tiết hết kế hoạch vốn năm 2024, phấn đấu giao hết kế hoạch vốn trong tháng 9 năm 2024.

(Chi tiết dự án theo Phụ lục số I đính kèm)

3. Bố trí vốn cho các dự án quá thời gian thực hiện

UBND thành phố kính đề nghị HĐND thành phố xem xét, chấp thuận cho phép bố trí 40,453 tỷ đồng cho các dự án có thời gian bố trí vốn vượt quá thời gian quy định. Cụ thể:

- a) 07 dự án do thành phố bố trí vốn: 18,181 tỷ đồng.
- b) 09 dự án do huyện Vĩnh Thạnh bố trí vốn: 22,272 tỷ đồng.

Thuyết minh nguyên nhân chậm tiến độ cụ thể từng dự án chi tiết theo Phụ lục II đính kèm.

4. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau*”.

Qua rà soát, đối chiếu UBND thành phố kính đề nghị HĐND thành phố xem xét, chấp thuận cho kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 với số vốn là 2,204 tỷ đồng đối với 14 dự án do UBND quận Ô Môn bố trí vốn.

Thuyết minh nguyên nhân không giải ngân hết vốn năm 2023 cụ thể từng dự án chi tiết theo Phụ lục III đính kèm.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết nghị./. *vl*

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố và 03 Phụ lục)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, TT.HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Ban thuộc HĐND TP;
- Sở: KH&ĐT, TC;
- VP UBND TP (3D);
- Lưu: VT. HS *mlc*



Trần Việt Trường



STT	Đanh mục dự án	Nhóm dự án ABC	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Khu vực thi công	Số quyết định đầu tư ban đầu	TINĐT		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)				Chi chú
							Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giải ngân 2023	Tổng số	Trong đó: vốn trước khi điều chỉnh	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Can dự NSDP	Sử dụng địa phương	
Tổng số															
A	Vấn qu hoạch, chuẩn bị đầu tư						3.672.395	2.231.969	1.776.339	2.917.213	1.468.776	278.239	0	0	278.239
1	Bổ Chu huy quách tư thành phố						6.164	6.164	6.079	0	0	0	2.610	0	2.610
1	Sửa chữa hồ sơ hoàn chỉnh Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Cần Thơ						139	139	100	0	0	0	100	0	100
II	Số Tài nguyên và Môi trường						146	146	120	0	0	0	120	0	120
1	Sửa chữa tư sở Sở Tài nguyên và Môi trường						146	146	120	0	0	0	120	0	120
III	Sở Khoa học và Công nghệ						337	337	337	0	0	0	337	0	337
1	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới một số hạng mục tại Vườn ươm Công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Cần Thơ						337	337	337	0	0	0	337	0	337
IV	Sở Xây dựng						5.522	5.522	5.522	0	0	0	2.053	0	2.053
1	Đặc trưng các bộ Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, làm hiện hành năm 2030						475	475	475	0	0	0	475	0	475
2	Quy hoạch phân khu quy hoạch chung và công nghiệp công nghiệp cao quận Ô Môn						2.022	2.022	2.022	0	0	0	710	0	710
3	Quy hoạch phân khu xây dựng y tế 1/2000 Trung tâm Y tế, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 2 tại quận Bình Thủy)						1.107	1.107	1.107	0	0	0	316	0	316
4	Quy hoạch phân khu xây dựng y tế 1/2000 Trung tâm Y tế, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 2 tại quận Cờ Đỏ)						1.918	1.918	1.918	0	0	0	552	0	552
B	Vấn thực hiện dự án						3.671.231	2.232.805	1.776.260	2.917.213	1.468.776	278.239	-2.610	0	275.629
1	Số Tài nguyên và Môi trường						176.158	176.158	141.697	107.900	107.900	0	5.072	1.600	5.072
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thốt Nốt						81.966	81.966	81.000	65.800	65.800	0	2.794	1.600	2.794
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thốt Nốt						94.192	94.192	60.697	42.100	42.100	0	2.278	0	2.278
II	Trung tâm Y tế và Y tế sinh môi trường nông thôn						476.647	476.647	456.000	428.698	428.698	6.376	-5.584	0	-5.584
1	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận						119.697	119.697	114.000	102.925	102.925	5.593	-5.593	0	-5.593
2	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thốt Nốt						119.801	119.801	114.000	108.924	108.924	185	-37	0	-37
3	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thốt Nốt						117.181	117.181	114.000	107.424	107.424	267	-40	0	-40
4	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ						119.968	119.968	114.000	109.425	109.425	331	-48	0	-48
III	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố						1.989.525	544.099	272.692	1.620.281	171.844	124.000	-47.098	0	-12.500

STT	Diễn biến dư an	Nhóm dư an ABC	Mã dư an	Địa điểm và đơn vị	Năm lập kế hoạch	Thời gian K-C-HT	Quỹ định đầu tư ban đầu				Kế hoạch đầu tư phát triển trong hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2024 (đơn vị: đồng)				Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	
							3-MĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP		Tổng số năm 2024		Trong đó: vốn NSDP		Ngân sách địa phương			NSRT
							Kế hoạch định: ngày	Thực hiện: ngày	Kế hoạch đầu tư phát triển trong hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số năm 2024	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chi phí NSDP	Sự dụng địa	NSRT		
1	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp gói đầu tư QL31B đơn Cờ Đỏ)	B	7594491	Bình Thủy Ô Môn - Thốt Lát - Cờ Đỏ	2019-2024	2019-2024	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	1.594.917	149.491	23.597	1.347.037	1.600	321	321	321	Thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hồ Hoàng Kiên				
2	Châu Bành Nhuan và cầu Rạch Trà thuộc Đường tỉnh 922, thành phố Cần Thơ	B	7564436	Quận O Môn, huyện Thốt Lát	2016 - 2020	2016-2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	90.288	90.288	5.961	86.988	86.988	1.108	1.108	1.108	Chi trả các chi phí còn lại sau quyết toán dự án hoàn thành				
3	Chi tuyến đường và cầu từ Khu EDIC Kàu Đa Hù EDIC Cầu Lộng	C	7545459	Quận Ninh Kiều, Bình Thủy	2016 - 2023	2016-2023	880/QĐ-UBND ngày 31/05/2016	25.745	25.745	9.286	16.496	16.496	-1.000	-1.000	-1.000	Do dự án đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, không có khả năng giải ngân trong năm				
4	Đường Thăng Lớn 1 (bê tông - đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thành Lộc đến Sân Bóng, xã Thành Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	C	7604915	Huyện Vĩnh Thạnh	2018-2024	2018-2024	2858/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	62.728	62.728	52.769	3.000	3.000	-3.000	-3.000	-3.000	Do dự án đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, không có khả năng giải ngân trong năm				
5	Đường Vĩnh đai sân Bay Cần Thơ kết nối đường Lê Hồng Phong đến Quốc lộ 91B, gói đầu tư 1; đoạn từ nút giao đường Võ Văn Kiệt đến Km1+675	B	7619462	Quận Ô Môn, Quận Thới H. Phong	2017-2024	2017-2024	2865/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	137.185	37.185	11.535	125.350	25.350	4.000	4.000	4.000	Gửi ngân từ nguồn vốn NSTW được phép kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2024 với số vốn là 18.505 tỷ đồng (Cộng với số 5922/BRHĐ-TĐ ngày 22/05/2024 của BKHD1)				
7	Châu Khánh Nguyên (trên đường Tỉnh 922)	C	7865971	Huyện Cờ Đỏ	2021-2024	2021-2024	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	137.272	137.272	137.161	40.510	40.510	-28.027	-28.027	61.973	Do dự án vướng mã bằng kéo dài, không có khả năng giải ngân hết số vốn được giao trong năm				
8	Sân đá, cầu tạo Trụ sở làm việc tại số 01, đường Quang Trung, phường Tân An, quận Ninh Kiều	C	7885992	Quận Ninh Kiều	2023-2025	2023-2025	1566/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	32.293	32.293	32.083	900	900	-12.500	-12.500	13.500	Dự án triển khai chậm so với kế hoạch, không giải ngân hết vốn				
IV	Sơ Lao Động, thương binh và Xã hội							18.004	18.004	17.508	13.180	13.180	-1.000	0	-1.000	3.328	Dự án hoàn thành không còn khả năng thanh toán cho nhà thầu			
I	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở Cảnh sát phòng ngừa tội phạm xã Cần Thơ	C	7879529	TP.Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	2022-2024	2022-2024	4554/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	18.004	18.004	17.508	13.180	13.180	-1.000	0	-1.000	656	Dự án hoàn thành không còn khả năng thanh toán cho nhà thầu			
V	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Cần Thơ	C	7920633	Ninh Kiều	2022-2024	2022-2024	2722/QĐ-SXD ngày 14/10/2022	9.132	9.132	9.416	7.290	7.290	1.095	0	-439	656	Dự án hoàn thành không còn khả năng thanh toán cho nhà thầu			
V1	Sở Giáo dục và Đào tạo							384.673	384.673	393.644	330.953	330.953	27.293	0	6.481	29.941	63.715	Thanh toán kết luận thanh toán		
I	Dự án cầu Tây Đô, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	B	7861307	Phong Điền	2021-2024	2021-2024	1123/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 1951/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	225.075	225.075	225.088	200.723	200.723	7.322	17.030	17.030	24.352	Thanh toán kết luận thanh toán			
2	Dự án cầu Cờ Đỏ trên đường Tỉnh 919, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	B	7861308	Cờ Đỏ	2021-2024	2021-2024	1150/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 3722/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	132.991	132.991	141.949	107.550	107.550	12.661	12.780	12.780	25.441	Thanh toán kết luận thanh toán			
3	Dự án Xây dựng trụ sở làm việc của Trung tâm Quản lý, giáo dục, bồi dưỡng trẻ em Sóc Trăng và tỉnh	C	7864599	Bình Thủy	2022-2024	2022-2024	3342/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 2100/QĐ-UBND ngày 31/1/2024	26.607	26.607	26.607	12.680	12.680	6.612	6.481	131	13.922	Thanh toán kết luận thanh toán			
VII	Sở Khoa học và Công nghệ							35.375	35.375	35.693	14.950	14.950	-1.663	-63	0	16.516	Dự án hoàn thành không còn khả năng thanh toán cho nhà thầu, đang triển quyết toán			
1	Báo trí từ sự và nâng cấp thiết bị Trung tâm KS nhà Tộc chôn Đốt Hoàng Chi lương Cần Thơ	C	7884145	Ninh Kiều	2022-2024	2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	5.399	5.399	5.717	5.220	5.220	179	-63	116	Dự án có kết quả được kinh phí ngân sách trong quá trình đầu tư kết thúc công, giải sã thi công (trên 13%), người ra, trong quá trình thi công phát sinh một số nội dung công việc (sơn và chống thấm, chống dột nhà nhà và phòng tắm vệ sinh và khu nhà xe) không thi nghiệm, không báo cáo sơ bản công năng nên sản Q2 không do sơ bản (có từ ngày và kế...)				
2	Sân gôn công nghiệp	C	7884144	Phong Điền	2022-2024	2022-2024	7700/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	29.976	29.976	29.976	9.730	9.730	-1.600	-1.600	16.500					
VIII	Sở Giáo dục và Đào tạo							184.975	184.975	181.682	51.613	51.613	0	0	0	92.626				

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian K-C-HT	Quỹ đất định đầu tư ban đầu		Lập kế vốn đầu tư đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024 dự kiến (tăng/giảm)			Ghi chú		
							Số quyết định nhà, thông, nạo ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số vốn NSDP	Kế hoạch đầu tư phải thực hiện theo kế hoạch năm 2023	Tổng số	Tổng số vốn trước khi điều chỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Chi phí NSDP	Sử dụng đất
1	Trởng THPT Chu Văn Lý Trởng	B	7861066	Cau Rang		2022-2024	147/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	79.992	79.992	79.993	21.360	21.360	48.023	-24.200	23.873	Đã theo dõi tình cơ kế hoạch và phải thực hiện điều chỉnh nội kế chi phí để cân chỉnh tiến độ so với kế hoạch
2	Trởng THCS và THPT Tân Lạc	C	7861067	Thôn Mát		2022-2024	691/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	39.995	39.995	39.722	11.907	11.907	18.681	7.900	26.581	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Trởng phổ thông Dân tộc miền núi	C	7861068	Ô Môn		2022-2024	21/QĐ-UBND ngày 06/01/2022	24.989	24.989	24.779	6.539	6.539	9.141	7.300	16.441	Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Trởng THCS và THPT Thôn Thuận	C	7861065	Thôn Mát		2022-2024	4278/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	39.999	39.999	37.888	11.807	11.807	16.781	9.000	25.781	Thanh toán khối lượng hoàn thành
IX. UBND quận Bình Thủy																
1	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	B	7783948	Bình Thủy		2019-2023	2610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	0	933	933	Chi trả các chi phí cơ bản sau quyết toán dự án hoàn thành
X. UBND huyện Phong Điền																
1	Khu tái định cư Phong Điền	B	7781681	Phong Điền		2021-2023	2623/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171.662	171.662	110.862	158.161	158.161	4.342	1.376	1.376	Thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người dân
2	Phong GIANT Văn Xương - Bà Láng	C	7781680	Phong Điền		2022-2023	2532/QĐ-UBND ngày 21/10/2019; 1669/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	120.483	120.483	101.066	96.664	96.664	4.342	9.171	13.513	Thanh toán khối lượng hoàn thành và chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho người dân

Phụ lục số 11
CHUYÊN TẬP BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÓ THỜI GIẠN THỰC HIỆN VIƯỢT QUA THỜI GIẠN QUY ĐỊNH
(Kèm theo Tờ trình số 130 /TT-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng



TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số			Trong đó: vốn NSDP
Tổng số											
A	Dự án do thành phố bố trí vốn										
1	Sở Tài nguyên và Môi trường				2.380.056	1.034.630	603.584	2.056.067	710.630	40.453	
					2.167.102	821.676	433.183	1.893.773	548.336	18.181	
					176.158	176.158	141.697	107.900	107.900	5.072	
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thời Lai	Thời Lai	2020-2024	2148/QĐ-UBND ngày 6/10/2020	81.966	81.966	81.000	65.800	65.800	2.794	Thanh toán khối lượng hoàn thành
				111/QĐ-UBND ngày 21/01/2024							
				2627/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	94.192	94.192	60.697	42.100	42.100	2.278	Thanh toán khối lượng hoàn thành
				112/QĐ-UBND ngày 21/01/2024							
11	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố				1.594.202	248.776	29.558	1.434.025	88.588	1.429	
				1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019;							
				1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021;	1.494.917	149.491	23.597	1.347.037	1.600	321	Thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Hồ Hoàng Kiểm
				612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022							
				1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024							
2	Cầu Rạch Nhum và cầu Rạch Tra thuộc Đường tỉnh 922, thành phố Cần Thơ	Quận Ô Môn, huyện Thời Lai	2016 - 2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	99.285	99.285	5.961	86.988	86.988	1.108	Chi trả các chi phí còn lại sau quyết toán dự án hoàn thành
III	UBND quận Bình Thủy				104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	933	
1	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Bình Thủy	2019-2023	2610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	933	Chi trả các chi phí còn lại sau quyết toán dự án hoàn thành
IV	UBND huyện Phong Điền				292.145	292.145	211.928	254.825	254.825	10.747	
1	Khu tái định cư Phong Điền	Phong Điền	2021-2023	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019;	171.662	171.662	110.862	158.161	158.161	1.576	Thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người dân
				1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021							
				2523/QĐ-UBND ngày 21/10/2019;	120.483	120.483	101.066	96.664	96.664	9.171	Thanh toán khối lượng hoàn thành và chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho người dân
				1667/QĐ-UBND ngày 3/6/2022							
B	Dự án do quận, huyện bố trí vốn				212.954	212.954	170.401	162.294	162.294	22.272	
1	UBND huyện Vĩnh Thạnh				212.954	212.954	170.401	162.294	162.294	22.272	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bỏ tới đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số			Trong đó: vốn NSDP
1	Trường Tiểu học Vinh Trinh 2 (giai đoạn 2) - Diêm Vinh Phụng	C	Vinh Thanh	2021-2023	1905/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	20.482	20.482	18.491	17.989	17.989	381	Bỏ trí vốn để thanh toán giá trị còn lại sau quyết toán
2	Trường tiểu học thị trấn Thanh An 3	C	Vinh Thanh	2021-2023	7400/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	23.499	23.499	22.548	20.911	20.911	1.195	Bỏ trí vốn để thanh toán giá trị còn lại sau quyết toán
3	Đường Thủy Kỳ (bờ trái)	C	Vinh Thanh	2021-2023	7544/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	14.474	14.474	14.195	13.945	13.945	150	Dự án thi công hoàn thành cuối năm 2022, tuy nhiên đến nay nhà thầu vẫn chưa khắc phục theo ý kiến kiểm tra nghiệm thu. Chủ đầu tư đã yêu cầu nhà thầu khắc phục các nội dung theo ý kiến của cơ quan Kiểm tra công tác nghiệm thu trong qui II/2024. Chủ đầu tư sẽ trình phê duyệt quyết toán dự án, cam kết thanh toán, tất toán hết số vốn trong năm 2024.
4	Nâng cấp mở rộng Đường kênh C1 (phía C giáp B) thị trấn Thanh An - xã Thanh Lợi	C	Vinh Thanh	2022-2023	8496/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	59.676	59.676	51.930	33.313	33.313	18.575	- Tiền độ thi công đạt 81% - Vương công tác giải phóng mặt bằng, người dân không đồng ý vị trí thu hồi đất, phải lập thủ tục điều chỉnh tuyên dự án, do đó dự án thi công chậm tiến độ, dự án dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2024. Năm 2024 bỏ trí vốn để thanh toán chi phí bồi thường và khối lượng thi công. Cam kết thanh toán hết số vốn bỏ trí trong năm 2024
5	Kè, mở rộng đường kênh Bón Tổng thị trấn Vinh Thanh	C	Vinh Thanh	2021-2023	1318/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	29.706	29.706	27.510	26.187	26.187	1.000	Dự án thi công hoàn thành cuối năm 2023, tuy nhiên đến nay nhà thầu vẫn chưa khắc phục theo ý kiến kiểm tra nghiệm thu Chủ đầu tư đã yêu cầu nhà thầu khắc phục các nội: theo ý kiến của cơ quan Kiểm tra công tác nghiệm thu trong qui II/2024. Chủ đầu tư sẽ trình phê duyệt quyết toán dự án, cam kết thanh toán, tất toán hết số vốn trong năm 2024.
6	Trung tâm văn hóa xã Thanh Thắng	C	Vinh Thanh	2021-2023	7545/QĐ-UBND ngày 07/10/2021; 2651/QĐ-UBND ngày 5/7/2022 (đc)	10.967	10.967	9.690	9.690	9.690	300	Dự án thi công hoàn thành trong năm 2023, tuy nhiên nhà thầu chậm hoàn thiện hồ sơ quản lý chất lượng nên đến cuối năm 2023 mới hoàn thiện công tác lập báo cáo quyết toán. Năm 2024 dự án sẽ được quyết toán hoàn thành và bỏ trí vốn để thanh toán, tất toán theo giá trị quyết toán được duyệt
7	Sửa chữa, mua sắm thiết bị Trường Mầm non Vinh Bình	C	Vinh Thanh	2021-2023	7959A/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	1.732	1.732	1.510	1.407	1.407	81	Dự án thi công hoàn thành cuối năm 2022, tuy nhiên đến nay nhà thầu vẫn chưa khắc phục theo ý kiến kiểm tra nghiệm thu của Công an PCCC. Chủ đầu tư đã yêu cầu nhà thầu khắc phục các nội: theo ý kiến của cơ quan kiểm tra công tác nghiệm thu trong qui II/2024. Chủ đầu tư sẽ trình phê duyệt quyết toán dự án, thanh toán, tất toán trong năm 2024.

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giải đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số			Trong đó: vốn NSDP
8	Mở rộng, sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Thành An 1 (điểm áp Phụng Quới A)	C	Vĩnh Thành	2021-2023	1916/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	14.348	14.348	19.527	19.240	19.240	345	Dự án thi công hoàn thành trong năm 2023, tuy nhiên nhà thầu chậm hoàn thiện hồ sơ quản lý chất lượng nên đến cuối năm 2023 mới hoàn chỉnh lượng tác lắp báo cáo quyết toán. Năm 2024 dự án sẽ được quyết toán hoàn thành và bố trí vốn để thanh toán, tất toán theo giá trị quyết toán được duyệt
9	Dường kênh E (đoạn 1,6km từ ngã ba xã Thành Lợi đến ranh An Giang)	C	Vĩnh Thành	2020-2021	số 3381/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	38.070	38.070	5.000	19.612	19.612	245	Dự án thi công hoàn thành trong năm 2022, tuy nhiên nhà thầu chậm khác phục theo ý kiến của đoàn kiểm tra công tác nghiệm thu, chậm hoàn thiện hồ sơ quản lý chất lượng nên cuối năm 2023 dự án mới được quyết toán. Năm 2024 bố trí vốn để thanh toán, tất toán theo giá trị quyết toán được duyệt.



TT	Danh mục dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch năm 2023	Giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2024	Số vốn để xuất theo thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư	Lý do để xuất Kéo dài (Chủ đầu tư báo cáo)	Phần loại các trường hợp để xuất Kéo dài theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						
TỔNG SỐ										
B	Dự án do quận, huyện quản lý		116.368	116.368	28.942	26.731	2.204			
I	UBND quận Ô Môn		116.368	116.368	28.942	26.731	2.204			
1	Nâng cấp các tuyến đường Trần Ngọc Hoàng	P. Long Hưng	11.458	11.458	10.000	9.358	641	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
2	Tuyến đường kênh Nhà Lầu	P. Long Hưng	6.210	6.210	1.324	1.237	86	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
3	Nâng cấp tuyến đường từ cầu Thủy lợi giáp khu vực Bình An	P. Phước Thới	14.675	14.675	1.507	1.410	96	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
4	Tuyến đường liên khu vực phường Thới An	P. Thới An	14.980	14.980	518	294	223	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
5	Tuyến đường từ cầu Rạch Sung giáp phường Thới An	P. Thới Long	10.855	10.855	2.301	2.243	58	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
6	Nâng cấp tuyến đường Ba Se - Ngã Cây	P. Trường Lạc	13.653	13.653	786	668	118	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	
7	Tuyến đường rạch Kinh Đình	P. Trường Lạc	11.151	11.151	303	150	153	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mục c, Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/dự toán CBĐT		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch năm 2023	Giới ngân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2024	Số vốn để xuất thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư	Lý do để xuất kéo dài (Chủ đầu tư báo cáo)	Phân loại các trường hợp để xuất kéo dài theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Chi chi
					TMDT	TMDT									
8	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Thời Xương I	P. Thời Long	C	2022-2024	3105/QĐ-UBND, ngày 01/6/2022	664	664	664	542	525	16	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bản giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mức c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ		
9	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Cài Sơn	P. Thời Long	C	2022-2024	4475/QĐ-UBND, ngày 18/8/2022	899	899	899	613	582	30	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bản giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mức c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ		
10	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Rạch Chanh	P. Thời Long	C	2022-2024	2775/QĐ-UBND, ngày 20/5/2022	986	986	986	738	720	17	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bản giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mức c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ		
11	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Thời Thanh	P. Thời Long	C	2022-2024	4391/QĐ-UBND, ngày 10/8/2022	1.064	1.064	1.064	662	624	37	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bản giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mức c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ		
12	Trường Mầm non Thời Long	P. Thời Long	C	2021-2023	10545/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.362	14.362	14.362	4.081	3.771	310	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bản giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mức c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ		
13	Trường Tiểu học Trung Vương (điểm Dĩnh)	P. Châu Văn Liêm	C	2021-2023	10546/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.432	14.432	14.432	4.664	4.257	407	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bản giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mức c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ		
14	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở công an phường Thời Hòa	P. Thời Hòa	C	2023-2025	7598/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	978	978	978	903	891	12	Do các công trình đã được bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, bản giao đưa vào sử dụng theo kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và hiện đang lập hồ sơ quyết toán vốn dự án hoàn thành.	Mức c, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ		



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024
thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, kéo dài thời
gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc
hội về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ,
điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn
2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của
các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần
Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-
2025 thành phố Cần Thơ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương
chưa phân bổ;*

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điểm e Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án

thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc chi tiết, điều chỉnh nội bộ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 2), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 và cho ý kiến về điều chỉnh phương án phân bổ vốn NSTW năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 3), kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 các nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

1. Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: giao 2.610 triệu đồng cho 07 dự án/đồ án quy hoạch.

2. Vốn thực hiện dự án:

- a) Điều chỉnh giảm 81.413 triệu đồng của 14 dự án thuộc 06 chủ đầu tư.
- b) Bổ sung 78.803 triệu đồng của 13 dự án thuộc 06 chủ đầu tư.

(Chi tiết dự án theo Phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024 của 14 dự án với số vốn là 2.204 triệu đồng. Thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị không vượt số vốn được nêu tại Phụ lục số III đính kèm.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục đầu tư các dự án đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật trình Hội đồng nhân dân thành phố giao hết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Công báo, Chi cục VT - LT thành phố;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hiếu

Phụ lục số 1
DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP BỒ TRỢ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÓ THỜI GIẠN THỰC HIỆN VIỚI QUẢN THỜI GIẠN QUY ĐỊNH
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giải ngân 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú	
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số			Trong đó: vốn NSDP
Tổng số												
A	Dự án do thành phố bố trí vốn					785.854	785.854	574.026	622.042	622.042	40.453	
1	Số Tài nguyên và Môi trường					572.900	572.900	403.625	459.748	459.748	18.181	
						176.158	176.158	141.697	107.900	107.900	5.072	
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thới Lai	B	Thới Lai	2020-2024	2148/QĐ-UBND ngày 6/10/2020 111/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	81.966	81.966	81.000	65.800	65.800	2.794	
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thới Nốt	B	Thới Nốt	2020-2024	2627/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 112/QĐ-UBND ngày 21/01/2024	94.192	94.192	60.697	42.100	42.100	2.278	
II	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố					1.594.202	248.776	29.558	1.434.025	88.588	1.429	
1	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn I từ QL91B đến Cờ Đỏ)	B	Bình Thủy - Ô Môn - Thới Lai - Cờ Đỏ	2019-2024	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	1.494.917	149.491	23.597	1.347.037	1.600	321	
2	Cầu Rạch Nham và cầu Rạch Tra thuộc Đường tỉnh 922, thành phố Cần Thơ	B	Quận Ô Môn, huyện Thới Lai	2016 - 2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	99.285	99.285	5.961	86.988	86.988	1.108	
III	UBND quận Bình Thủy					104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	933	
1	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	B	Bình Thủy	2019-2023	2610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	933	
IV	UBND huyện Phong Điền					292.145	292.145	211.928	254.825	254.825	10.747	
1	Khu tái định cư Phong Điền	B	Phong Điền	2021-2023	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171.662	171.662	110.862	158.161	158.161	1.576	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Thời gian K-C-HT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
						TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		
2	Đường GTNT Vàm Xăng - Ba Làng	C	Phong Điền	2022-2023	2523/QĐ-UBND ngày 21/10/2019; 1667/QĐ-UBND ngày 3/6/2022	120.483	120.483	101.066	96.664	96.664	9.171	
B	Dự án do quận, huyện bố trí vốn					212.954	212.954	170.401	162.294	162.294	22.272	
1	UBND huyện Vĩnh Thạnh					212.954	212.954	170.401	162.294	162.294	22.272	
1	Trường Tiểu học Vĩnh Trinh 2 (giai đoạn 2) Điểm Vĩnh Phùng	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	1905/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	20.482	20.482	18.491	17.989	17.989	381	
2	Trường tiểu học thị trấn Thanh An 3	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7400/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	23.499	23.499	22.548	20.911	20.911	1.195	
3	Đường Thủy Ký (bờ trái)	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7544/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	14.474	14.474	14.195	13.945	13.945	150	
4	Nâng cấp mở rộng Đường kênh C1 (phía C giáp B) thị trấn Thanh An - xã Thanh Lợi	C	Vĩnh Thạnh	2022-2023	8496/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	59.676	59.676	51.930	33.313	33.313	18.575	
5	Kè, mở rộng đường kênh Bón Tổng thị trấn Vĩnh Thạnh	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	1318/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	29.706	29.706	27.510	26.187	26.187	1.000	
6	Trung tâm văn hóa xã Thanh Thắng	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7545/QĐ-UBND ngày 07/10/2021; 2651/QĐ-UBND ngày 5/7/2022 (đc)	10.967	10.967	9.690	9.690	9.690	300	
7	Sửa chữa, mua sắm thiết bị Trường Mầm non Vĩnh Bình	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	7959A/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	1.732	1.732	1.510	1.407	1.407	81	
8	Mở rộng, sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Thanh An 1 (điểm áp Phùng Quới A)	C	Vĩnh Thạnh	2021-2023	1916/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	14.348	14.348	19.527	19.240	19.240	345	
9	Đường kênh E (doan 1,6km từ ngã ba xã Thanh Lợi đến ranh An Giang)	C	Vĩnh Thạnh	2020-2021	số 3381/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	38.070	38.070	5.000	19.612	19.612	245	

Phụ lục số 11
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 CÁC NGŢƠN VỊ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-UBND ngày / tháng / năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Số quyết định, nghị định, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Chi chi				
								TMDT	NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP			Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn sách địa phương	NSKT
Tổng số																		
A	Vấn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư							3.677.395	2.231.969	1.776.339	2.917.213	1.468.776	278.239	0	278.239			
I	Bố trí hạ tầng kỹ thuật							6.164	6.164	6.079	0	0	0	0	2.610			
								159	159	100	0	0	0	0	100			
I	Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị							159	159	100	0	0	0	0	100			
II	Số Tài nguyên và Môi trường							146	146	120	0	0	0	0	120			
I	Sửa chữa trụ sở							146	146	120	0	0	0	0	120			
III	Số Khoa học và Công nghệ							337	337	337	0	0	0	0	337			
I	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới một số hạng mục tại Viện nghiên cứu và ứng dụng công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Cần Thơ							337	337	337	0	0	0	0	337			
IV	Số Xây dựng							5.522	5.522	5.522	0	0	0	0	2.053			
I	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, làm nhà đến năm 2050							475	475	475	0	0	0	0	475			
2	Quy hoạch phân khu quy hoạch chung công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn							2.022	2.022	2.022	0	0	0	0	710			
3	Quy hoạch phân khu xây dựng quy hoạch và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 1 tại quận Bình Thủy)							1.107	1.107	1.107	0	0	0	0	316			
4	Quy hoạch phân khu xây dựng quy hoạch và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 2 tại huyện Cờ Đỏ)							1.918	1.918	1.918	0	0	0	0	552			
B	Vấn thực hiện dự án							3.671.231	2.225.805	1.770.260	2.917.213	1.468.776	278.239	0	275.629			
I	Số Tài nguyên và Môi trường							176.158	176.158	141.697	107.900	107.900	0	0	5.072			
1	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quy hoạch tại địa phương thành phố Cần Thơ							81.966	81.966	81.000	65.800	65.800	0	0	1.600			
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quy hoạch tại địa phương thành phố Cần Thơ							94.192	94.192	60.697	42.100	42.100	0	0	2.794			
II	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường thành phố							476.647	476.647	456.000	428.698	428.698	6.376	0	-5.584			
1	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh							119.697	119.697	114.000	102.925	102.925	5.593	0	-5.459			
2	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền							119.801	119.801	114.000	108.924	108.924	185	0	-37			
3	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền							117.181	117.181	114.000	107.424	107.424	267	0	-40			
4	Dự án xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ							119.968	119.968	114.000	109.425	109.425	331	0	-48			
III	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố							1.989.525	544.099	272.692	1.620.281	171.844	124.000	0	-47.098			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năm học thực kế	Thời gian kế HT	Quỹ đầu tư ban đầu										Kế hoạch năm 2024				Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh	Chiếm
							Số quyết định, quyết định, năm ban hành					1. Dự kiến đầu tư ban đầu năm 2023					Kế hoạch năm 2024 điều chỉnh (tăng/giảm)					
							Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch đầu tư phát triển trong NSDP giai đoạn 2021-2025	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2024 trước khi điều chỉnh	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Năm sách địa phương			NSKT					
							Cần địa NSDP	Sử dụng địa	NSKT													
1	Đường tỉnh 922 (XIV hạng và nâng cấp giai đoạn 1: từ QL91B đến Cờ Đỏ)	B	7579491	Bình Thủy Xã Môn - Thới Lai - Cờ Đỏ		2019-2024	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1343/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022 1081/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	1.494.917	149.491	23.597	1.347.037	1.600	321	321		321						
2	Cầu Rạch Nham và cầu Rạch Trà thuộc Đường tỉnh 922, thành phố Cờ Đỏ	B	7564436	Quận Ô Môn, huyện Thới Lai		2016 - 2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	99.285	99.285	5.961	86.988	86.988	1.108		1.108		1.108					
3	Cầu tuyến đường vào cầu từ Khu TĐC Khu đô thị TĐC Cui Long	C	7545459	Quận Ninh Kiều, Bình Thủy		2016 - 2023	880/QĐ-UBND ngày 31/03/2016	25.745	25.745	9.286	16.496	16.496	1.000		1.000		-1.000		0			
4	Đường Thăng Lơ 1 (bỏ trải - đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thành Lạc đến Sân Bông) xã Thành Lạc, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cờ Đỏ	C	7604915	Huyện Vĩnh Thạnh, Thành		2018-2024	2888/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	62.728	62.728	52.769	3.000		3.000		-3.000		-3.000		0			
5	Đường Vĩnh đại sân bay Cờ Đỏ kết nối đường Lê Hồng Phong đến Quốc lộ 91B, giai đoạn 1: đoạn từ nút giao đường V0 Văn Kiệt đến Km1+675	B	7619462	Quận Ô Môn, Quận Bình Thủy, H. Phong Điền		2017-2024	2863/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	137.185	37.185	11.835	125.350	25.350	4.000		-4.000		-4.000		0			
7	Cầu Kênh Ngang (tên đường Tỉnh 922)	C	7865971	Huyện Cờ Đỏ		2021-2024	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	137.372	137.372	137.161	46.510	46.510	90.000		-28.027		-28.027		61.973			
8	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc tại số 01, đường Quang Trung, phường Tân An, Quận Ninh Kiều	C	7885992	Quận Ninh Kiều		2023-2025	1568/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	32.293	32.293	32.083	900	900	26.000		-12.500		-12.500		13.500			
IV	Số Lộ đồng, thương binh và xã hội							18.004	18.004	17.508	13.180	13.180	4.328		-1.000		-1.000		3.328			
I	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở Chẩn đoán và tư vấn tại Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ	C	7899529	TP Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang		2022-2024	4354/QĐ-UBND ngày 31/07/2021	18.004	18.004	17.508	13.180	13.180	4.328		-1.000		-1.000		3.328			
V	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Cần Thơ							9.132	9.132	9.416	7.290	7.290	1.095		-439		-439		656			
I	Cải tạo Nhà học Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	C	7920633	Ninh Kiều		2022-2024	2772/QĐ-SXD ngày 14/10/2022	9.132	9.132	9.416	7.290	7.290	1.095		-439		-439		656			
VI	Số Giao thông vận tải							384.673	384.673	393.644	320.953	320.953	27.293		36.422		6.481	0	29.941	63.715		
I	Dự án cầu Tân Đông, huyện Phong Điền, thành phố Cờ Đỏ	B	7861307	Phong Điền		2021-2024	1125/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 1951/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	225.075	225.075	225.088	200.723	200.723	7.322		17.030		17.030		17.030	24.352		
2	Dự án cầu Cờ Đỏ trên đường Tỉnh 919, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cờ Đỏ	B	7861308	Cờ Đỏ		2021-2024	1150/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 3772/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	132.991	132.991	141.949	107.550	107.550	12.661		12.780		12.780		12.780	25.441		
3	Dự án XÂY dựng trụ sở làm việc của Trung tâm Quản lý giao thông đô thị theo Quyết định số 150/GĐ-UBND ngày 10/11/2021; 21/QĐ-UBND ngày 31/1/2024	C	7864599	Bình Thủy		2022-2024	3343/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 21/QĐ-UBND ngày 31/1/2024	26.607	26.607	26.607	12.680	12.680	7.310		6.612		6.481		131	13.922		
VII	Số Khoa học và Công nghệ							35.375	35.375	35.693	14.950	14.950	18.179		-1.663		-63	0	-1.600	16.516		
I	Bàn trí trụ sở và nâng cấp thiết bị Trung tâm Kĩ thuật thực hành Đào tạo hướng dẫn học viên Cao Đẳng	C	7884145	Ninh Kiều		2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 31/1/2021	5.399	5.399	5.717	5.220	5.220	179		-63		-63		0	116		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Mạng lực	Thời gian K/C HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu		Kế hoạch đầu tư phát triển trong NSDP giai đoạn 2021-2025	Lưu kế vốn đã bỏ từ đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024 theo chính (tương đương)		Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh	Chỉ chủ				
								TMDT	Tổng số (tái và các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2024 chính khi điều chỉnh			Tổng số (tái và các nguồn vốn)	Nguồn sách địa phương		NSRT
2	Sân gôn quốc tế công nghệ	C	7884144	Phong Điền		2022-2024	770/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	184.975	29.976	29.976	9.730	9.730	18.000	-1.600	-1.600	0	0	0	0	16.400
VIII Sơ Chi đầu tư Đầu tư																				
1	Trường THPT Chuyên Lý Tự Trọng	B	7861066	Cái Rang		2022-2024	147/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	184.975	79.992	79.992	21.360	21.360	48.023	-24.200	-24.200	0	0	0	0	23.823
2	Trường THCS và THPT Tân Lạc	C	7861067	Thốt Nốt		2022-2024	691/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	39.995	39.995	39.722	11.907	11.907	18.681	7.900	7.900	0	0	0	0	26.581
3	Trường phổ thông Dân tộc nội trú	C	7861068	Ô Môn		2022-2024	21/QĐ-UBND ngày 06/01/2022	24.989	24.989	24.799	6.539	6.539	9.141	7.300	7.300	0	0	0	0	16.441
4	Trường THCS và THPT Tôản Thuận	C	7861065	Thốt Nốt		2022-2024	4278/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	39.999	39.999	37.588	11.807	11.807	16.781	9.000	9.000	0	0	0	0	25.781
IX UBND quận Bình Tân																				
1	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	B	7783948	Bình Thủy		2019-2023	3610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104.597	104.597	50.000	97.023	97.023	0	933	933	0	0	0	933	933
X	UBND huyện Phong Điền							292.145	292.145	211.928	254.825	254.825	4.342	10.747	10.747	0	0	0	0	15.089
1	Khu tái định cư Phong Điền	B	7781681	Phong Điền		2021-2023	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171.662	171.662	110.862	158.161	158.161	0	1.576	1.576	0	0	0	0	1.576
2	Dương Giản Văn Xương - Bà Lăng	C	7781680	Phong Điền		2022-2023	2323/QĐ-UBND ngày 27/10/2019; 1667/QĐ-UBND ngày 3/6/2022	120.483	120.483	101.066	96.664	96.664	4.342	9.171	9.171	0	0	0	0	13.513

Phụ lục số III
DANH MỤC DỰ ÁN KÈO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 SANG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/dự toán CBDT		Kế hoạch năm 2023	Giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2024	Số vốn đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư	Ghi chú
					TMBĐT					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
TỔNG SỐ										
B	Dự án do quận, huyện quản lý									
I	UBND quận Ô Môn									
1	Nâng cấp các tuyến đường Trần Ngọc Hoàng	P. Long Hưng	C	2022-2024	3999/QĐ-UBND, ngày 20/7/2022	11.458	11.458	10.000	9.358	641
2	Tuyến đường kênh Nhà Lầu	P. Long Hưng	C	2021-2023	6296/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	6.210	6.210	1.324	1.237	86
3	Nâng cấp tuyến đường từ cầu Thủy lợi giáp khu vực Bình An	P. Phước Thới	C	2021-2023	10536/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.675	14.675	1.507	1.410	96
4	Tuyến đường liên khu vực phường Thới An	P. Thới An	C	2021-2023	10537/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.980	14.980	518	294	223
5	Tuyến đường từ cầu Rạch Sung giáp phường Thới An	P. Thới Long	C	2021-2023	10538/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	10.855	10.855	2.301	2.243	58
6	Nâng cấp tuyến đường Ba Se - Ngã Cây	P. Trường Lạc	C	2021-2023	10539/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	13.653	13.653	786	668	118
7	Tuyến đường rạch Kinh Đình	P. Trường Lạc	C	2021-2023	10540/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	11.151	11.151	303	150	153
8	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Thới Xương I	P. Thới Long	C	2022-2024	3105/QĐ-UBND, ngày 01/6/2022	664	664	542	525	16

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư/dự toán CBDT		Kế hoạch năm 2023	Giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2024	Số vốn để xuất thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của Chủ đầu tư	Ghi chú
						TMDT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
9	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Cải Sơn	P. Thới Long	C	2022-2024	4475/QĐ-UBND, ngày 18/8/2022	899	899	613	582	30	
10	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Rạch Chanh	P. Thới Long	C	2022-2024	2775/QĐ-UBND, ngày 20/5/2022	986	986	738	720	17	
11	Xây dựng nhà văn hóa khu vực Thới Thạnh	P. Thới Long	C	2022-2024	4391/QĐ-UBND, ngày 10/8/2022	1.064	1.064	662	624	37	
12	Trường Mầm non Thới Long	P. Thới Long	C	2021-2023	10545/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.362	14.362	4.081	3.771	310	
13	Trường Tiểu học Trung Vương (điểm Đỉnh)	P. Châu Văn Liêm	C	2021-2023	10546/QĐ-UBND, ngày 30/9/2021	14.432	14.432	4.664	4.257	407	
14	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở công an phường Thới Hòa	P. Thới Hòa	C	2023-2025	7598/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	978	978	903	891	12	